

Số: 1359/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 226/TTr-SKHCN ngày 01/3/2022 về việc ban hành quy định quản lý, thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (được gọi tắt là Quy định quản lý, thực hiện Chương trình).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Quy định quản lý, thực hiện Chương trình được ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Hướng dẫn thực hiện, quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định. Kịp thời tổng hợp, kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp trong quá trình triển khai Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

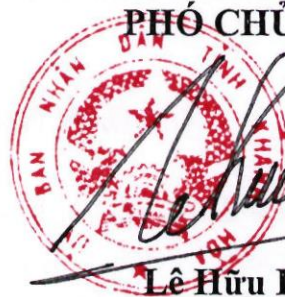
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NL, HN. 42

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hữu Hoàng

QUY ĐỊNH

**Quản lý, thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Khánh Hòa
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 16/5/2021
của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn việc quản lý, thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành theo Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân thực hiện và tham gia Chương trình, các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý Chương trình

1. Thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, thực hiện Chương trình phải bảo đảm công khai, minh bạch. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình được triển khai theo đúng mục tiêu, nội dung và không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền khác.

3. Sử dụng kinh phí của Chương trình đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí, tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 3. Nhiệm vụ thuộc Chương trình

Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm các nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

1. Nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình: Là nhiệm vụ gắn với chức năng, chuyên môn nghiệp vụ của Sở Khoa học và Công nghệ, được thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng (nếu có) và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được giao của Sở Khoa học và Công nghệ; bao gồm các nhiệm vụ được quy định tại điểm a,b,c của khoản 1 Điều 3 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình: Là nhiệm vụ được thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ được triển khai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, đáp ứng tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP và nhiệm vụ thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhiệm vụ được xây dựng trên cơ sở kế thừa, áp dụng các kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã được tổng kết, nghiệm thu phù hợp với điều kiện của địa phương.

3. Phân nhóm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh được tổ chức triển khai, quản lý theo Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này.

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng 100% kinh phí từ ngân sách của Trung ương hoặc có sử dụng một phần vốn đối ứng từ ngân sách nhà nước của tỉnh để được thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình của Trung ương do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì; địa phương phối hợp quản lý theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021.

4. Mã nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021.

Điều 4. Yêu cầu đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Đối với các nhiệm vụ thường xuyên thuộc nội dung hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở trong và ngoài nước cho các đối tượng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng:

a) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phải thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định hiện hành của tỉnh.

b) Đã được cấp có thẩm quyền công nhận đơn đăng ký hợp lệ hoặc cấp văn bằng bảo hộ đối với từng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình:

a) Có tính cấp thiết, phù hợp với mục tiêu, nội dung Chương trình.

b) Kết quả, sản phẩm đầu ra có tác động tới sự phát triển kinh tế, xã hội, khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực, địa phương; kết quả, sản phẩm được áp dụng thực tiễn hoặc giải quyết các vấn đề về lý luận, khoa học, thực tiễn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

c) Có tính bền vững và có khả năng duy trì, nhân rộng kết quả sau khi kết thúc.

d) Không trùng lặp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện, không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể khác.

đ) Thời gian thực hiện tối đa là 36 tháng. Đối với các nhiệm vụ phức tạp về chuyên môn, có sự tham gia của nhiều tác nhân trong chuỗi liên kết bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ hoặc do điều kiện khách quan ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện thì có thể kéo dài hơn 36 tháng, thời gian kéo dài do UBND tỉnh quyết định.

Điều 5. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Đối với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ

a) Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ.

b) Có khả năng huy động kinh phí đối ứng thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

c) Không thuộc một trong các trường hợp quy định sau:

- Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước đây.

- Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có).

- Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực của nhiệm vụ; hoặc là tác giả của đối tượng quy định tại Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ liên quan đến các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.

b) Có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của chủ nhiệm nhiệm vụ.

c) Không thuộc một trong các trường hợp quy định sau:

- Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ nhiều hơn 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có).

- Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện dưới dạng đề tài, dự án, đề án do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp quốc gia do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Thông tin và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Thông tin về nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình (bao gồm: Tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm, thời gian thực hiện; tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh) được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc truyền thông về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và Luật Báo chí.

3. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện theo các quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ.

Chương II TỔ CHỨC QUẢN LÝ, THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, quản lý các hoạt động chung, nhiệm vụ thường xuyên và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc Chương trình theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định hiện hành của tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Xem xét, phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định hiện hành của tỉnh đối với nhiệm vụ thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước được nêu tại mục 2 phần II của Chương trình.

3. Phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của Trung ương theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 2205/QĐ-TTg

ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ đối với các nội dung thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Có trách nhiệm hướng dẫn triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan theo Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này.

Điều 8. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện các nội dung theo phân công của UBND tỉnh tại Quyết định số 2049/QĐ- UBND ngày 19/7/2021.

2. Phối hợp quản lý các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp tỉnh thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của Trung ương được triển khai trên địa bàn tỉnh.

3. Chỉ định, phân công các Phòng, đơn vị trực thuộc làm đầu mối phối hợp triển khai, quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 9. UBND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của UBND tỉnh tại Quyết định số 2049/QĐ- UBND ngày 19/7/2021.

2. Phối hợp quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của Trung ương được thực hiện tại địa phương.

3. Tổ chức triển khai ứng dụng, nhân rộng các kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của Trung ương và của tỉnh được thực hiện tại địa phương.

Chương III

XÂY DỰNG, XÁC ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA, CẤP TỈNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Đề xuất đặt hàng

1. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp tỉnh thuộc Chương trình theo biểu mẫu B1-ĐXNV được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021.

2. Đề xuất đặt hàng được gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa.

3. Ngày tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ: Là ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu lên phong bì hồ sơ (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc ngày đóng dấu “đến” của Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp nộp trực tiếp); ngày tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trên môi trường điện tử.

Điều 11. Xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ

1. Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 10 của Quy định quản lý, thực hiện Chương trình, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, rà soát các đề xuất đặt hàng và trình UBND tỉnh xem xét, tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Trong trường hợp cần thiết hoặc có đề nghị của ít nhất 01 ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia độc lập hoặc tổ chức khảo sát thực địa, làm việc với đơn vị đề xuất nhiệm vụ và các đơn vị khác có liên quan để kiểm tra, đánh giá thông tin, số liệu nhằm xác định sự phù hợp của đối tượng, hình thức và tiêu chí bảo hộ; xác định nội dung, phương thức quản lý và phát triển tài sản trí tuệ phục vụ việc xem xét, đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ thuộc Chương trình trước hoặc sau phiên họp của hội đồng tư vấn.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, có 07 hoặc 09 thành viên, bao gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành viên hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của nhiệm vụ, đại diện cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ chỉ tiến hành họp khi có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên (đối với hội đồng có 07 thành viên) hoặc 07 thành viên (đối với hội đồng có 09 thành viên), trong đó có Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) hội đồng và 02 ủy viên phản biện. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp hội đồng. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền cho Phó Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp bằng văn bản.

4. Trình tự, trách nhiệm của hội đồng tư vấn

a) Trình tự làm việc của hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại khoản 1,2,3,4,5 Điều 13 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Thành viên hội đồng có trách nhiệm nhận xét, đánh giá các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp quốc gia và cấp tỉnh thuộc Chương trình của Trung ương và của tỉnh theo các yêu cầu tại khoản 2 Điều 4 của Quy định quản lý, thực hiện Chương trình vào biểu mẫu B2-NXNV được ban hành theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021.

- Hội đồng thống nhất “Đề xuất thực hiện” đối với đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp quốc gia khi có tối thiểu 75% tổng số thành viên hội đồng tham dự phiên họp bỏ phiếu “Đề xuất thực hiện” và đề xuất phương thức thực hiện (“Tuyển chọn” hoặc “Giao trực tiếp”).

- Hội đồng thống nhất “Đề nghị thực hiện” đối với đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp tỉnh khi có tối thiểu 75% tổng số thành viên hội đồng tham dự phiên họp bỏ phiếu “Đề nghị thực hiện” và đề xuất phương thức thực hiện (“Tuyển chọn” hoặc “Giao trực tiếp”).

- Hội đồng thông qua Biên bản họp theo biểu mẫu B3-BBNV được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hội đồng thông qua Biên bản họp, Sở Khoa học và công nghệ xây dựng danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng cấp quốc gia và đề nghị đặt hàng cấp tỉnh theo biểu mẫu B4-DMNV được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 12. Công bố danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ công bố công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng cấp quốc gia và đề nghị đặt hàng cấp tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương IV TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 13. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ gồm các thông tin cơ bản sau đây: Tên nhiệm vụ; định hướng mục tiêu nhiệm vụ; sản phẩm dự kiến; yêu cầu về hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ; thời gian và địa chỉ nộp hồ sơ.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ

1. Quy cách và thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021.

2. Hồ sơ phải được niêm phong kín và bên ngoài ghi rõ các thông tin: Tên nhiệm vụ, danh mục tài liệu trong hồ sơ; tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ, tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ và thông tin về người liên hệ (điện thoại và địa chỉ email).

Điều 15. Nộp và tiếp nhận hồ sơ

1. Cách thức nộp hồ sơ và ngày tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 10 của Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này.

2. Trong thời hạn tiếp nhận hồ sơ, tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ có quyền rút hồ sơ, thay hồ sơ mới hoặc bổ sung, sửa đổi hồ sơ đã nộp. Văn bản bổ sung, sửa đổi là bộ phận cấu thành của hồ sơ đã nộp trước đó.

Điều 16. Kiểm tra và xác định tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc mở, kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ và lập Biên bản mở hồ sơ theo biểu mẫu B7- KTHS được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCHN ngày 11/6/2021.

2. Hồ sơ được coi là hợp lệ nếu nhiệm vụ thuộc danh mục được công bố theo quy định tại Điều 12 và đáp ứng các yêu cầu tại Điều 5, Điều 14 và Điều 15 của Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả mở hồ sơ cho tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ.

Điều 17. Nguyên tắc, điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ

1. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh).

2. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ: Theo yêu cầu tại Điều 5 của Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này.

Điều 18. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Có 07 hoặc 09 thành viên, bao gồm Chủ tịch và Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên. Thành viên hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, đại diện cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức khác có liên quan, trong đó có ít nhất 02 thành viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. Căn cứ nội dung nhiệm vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng để trình Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh ra Quyết định thành lập hoặc trực tiếp ra quyết định thành lập.

2. Cá nhân không được tham gia thành viên hội đồng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

3. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh.

4. Hội đồng và Tổ thẩm định kinh phí làm việc theo nguyên tắc, trình tự và nội dung theo quy định tại Điều 8,9,11,12 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh.

5. Chuẩn bị cho các phiên họp của Hội đồng và Tổ thẩm định kinh phí: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh.

6. Biên bản kiểm phiếu của hồ sơ được lập theo biểu mẫu B9-BBKP và Biên bản họp hội đồng được lập theo biểu mẫu B10-BBHĐTC được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021.

Điều 19. Tiêu chí, thang điểm đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ

Việc đánh giá hồ sơ đăng ký chủ trì nhiệm vụ được tiến hành bằng cách cho điểm vào Phiếu đánh giá hồ sơ theo biểu mẫu B8-PĐG được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021. Số điểm tối đa cho một hồ sơ là 100 điểm, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí về tính cấp thiết của nhiệm vụ: Tối đa 15 điểm.
2. Tiêu chí về tính khả thi của nhiệm vụ: Tối đa 50 điểm.
3. Tiêu chí về tính hiệu quả và bền vững của nhiệm vụ: Tối đa 35 điểm.

Điều 20. Điều kiện hồ sơ được tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ

1. Hồ sơ được hội đồng kiến nghị tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ nếu đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

- a) Có trung bình cộng tổng số điểm đánh giá đạt tối thiểu 70 điểm.
- b) Có trung bình cộng số điểm đánh giá về tính khả thi đạt tối thiểu 40 điểm.
- c) Có trung bình cộng số điểm đánh giá về tính hiệu quả và bền vững đạt tối thiểu 25 điểm.

2. Trường hợp có nhiều hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ cùng đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này thì hồ sơ được tuyển chọn là hồ sơ có trung bình cộng tổng số điểm cao nhất.

3. Trường hợp có nhiều hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và có trung bình cộng số điểm bằng nhau thì hồ sơ được chọn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Hồ sơ có trung bình cộng số điểm đánh giá về tính khả thi cao hơn.

b) Hồ sơ có trung bình cộng số điểm đánh giá về tính hiệu quả và bền vững cao hơn.

c) Trong trường hợp các hồ sơ có điểm trung bình cộng của cả 02 tiêu chí nêu trên bằng nhau, Chủ tịch hội đồng hoặc của Phó Chủ tịch hội đồng được ủy quyền chủ trì phiên họp quyết định hồ sơ được tuyển chọn.

Điều 21. Tư vấn độc lập đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc lấy ý kiến của ít nhất 02 chuyên gia tư vấn độc lập theo Quy định tại Chương III của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh.

Điều 22. Phê duyệt và công bố, lưu trữ tài liệu kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh

Điều 23. Hủy kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh.

Chương V

KÝ HỢP ĐỒNG, KIỂM TRA, ĐIỀU CHỈNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 23. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ Quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, giao Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ theo biểu mẫu B11-HĐDA được ban hành kèm Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11/6/2021.

Điều 24. Kiểm tra, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo định kỳ (6 tháng và hằng năm) tính từ ngày phát sinh số dư tài khoản tiền gửi để thực hiện nhiệm vụ do Sở Khoa học và Công nghệ tạm ứng kinh phí lần đầu, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở KH&CN về tình hình thực hiện nhiệm vụ và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ theo các biểu mẫu B12-BCĐK và B13-BCKP được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11/6/2021.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các Phòng, ban chuyên môn tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

3. Quy trình kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ

a) Nội dung kiểm tra:

- Nội dung đã hoàn thành và nội dung nhiệm vụ đang triển khai;
- Tình hình sử dụng kinh phí: bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và kinh phí đối ứng (nếu có);
- Sản phẩm đã hoàn thành và đang trong giai đoạn triển khai;
- Các nội dung khác (nếu có).

b) Thời gian kiểm tra:

- Định kỳ 06 tháng/lần kể từ ngày phát sinh số dư tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì do Sở Khoa học và Công nghệ tạm ứng kinh phí thực hiện nhiệm vụ lần đầu;

- Đột xuất theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc UBND tỉnh.

c) Thành phần tham gia và nguyên tắc kiểm tra, đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh *Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh (Quyết định số 04/2016/QĐ- UBND ngày 21/3/2016)*.

d) Trình tự, điều kiện, kinh phí kiểm tra, đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ- UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh.

đ) Xử lý kết quả sau khi kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/03/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Việc điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này.

Điều 25. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh.

2. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ, nội dung, kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ ngoài ngân sách nhà nước và điều chỉnh mua sắm vật liệu, máy móc thiết bị, các điều chỉnh khác: Được thực hiện theo quy định tại Điều 19, 20, 21 và Điều 24 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh.

3. Thay đổi tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh.

- Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện được quy định tại Điều 5 của Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này.

4. Trình tự, thủ tục thay đổi, điều chỉnh: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh.

Điều 26. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh.

3. Thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chấm dứt hợp đồng, đối với nhiệm vụ KH&CN do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định chấm dứt hợp đồng đối với nhiệm vụ KH&CN do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

- Căn cứ Quyết định chấm dứt hợp đồng của cấp thẩm quyền phê duyệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

Chương VI

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 27. Nguyên tắc, phương thức, kinh phí đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ

1. Nguyên tắc, phương thức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 21/9/2015).

2. Kinh phí tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Điều 28. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở theo các quy định tại Chương II của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

2. Báo cáo kết quả tự đánh giá theo biểu mẫu B14-BCTĐG được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 29. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì.

2. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ theo biểu mẫu B15-BCTH được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021.

3. Các sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ theo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ và thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

4. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí theo biểu mẫu B13-BCKP được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021.

5. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 29 của Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này.

6. Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 30. Nộp hồ sơ, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Đơn vị chủ trì thực hiện và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm nộp đầy đủ sản phẩm nhiệm vụ đã ghi trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (đã ký giữa Sở Khoa học và Công nghệ với đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ) và trong thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt về Sở Khoa học và Công nghệ để đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh.

2. Thời hạn nộp sản phẩm nhiệm vụ: Thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn bằng văn bản (nếu có).

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận sản phẩm nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ phải thông báo cho tổ chức chủ trì về tính đầy đủ và hợp lệ của các sản phẩm. Trường hợp đầy đủ sản phẩm nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ phải lập biên nhận sản phẩm. Trường hợp sản phẩm nhiệm vụ chưa đầy đủ và hợp lệ theo quy định thì tổ chức chủ trì nhiệm vụ phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 31. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ được thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hợp lệ.

2. Hội đồng có 07 hoặc 09 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập đối với nhiệm vụ có kinh phí thực hiện từ 1 tỷ đồng trở lên; ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập đối với nhiệm vụ có kinh phí thực hiện dưới 1 tỷ đồng. Trong đó, có Chủ

tịch, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên khác. Các thành viên hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của nhiệm vụ, đại diện cơ quan có liên quan, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp không được tham gia Hội đồng:

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của Chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với Chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

Điều 32. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi đầy đủ hồ sơ sản phẩm nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng và các mẫu phiếu nhận xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước phiên họp ít nhất 07 ngày làm việc.

2. Phiên họp của hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng và chỉ tiến hành khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được đầy đủ ý kiến nhận xét bằng văn bản của 02 ủy viên phản biện ít nhất 01 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng;

b) Có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên (đối với hội đồng có 07 thành viên) hoặc ít nhất 07 thành viên (đối với hội đồng có 09 thành viên), trong đó có Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) và 02 ủy viên phản biện.

3. Chương trình làm việc của hội đồng:

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp;

c) Chủ tịch Hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Hội đồng theo các quy định quản lý, thực hiện Chương trình này;

d) Hội đồng cử hoặc bầu một thành viên làm Ủy viên thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá, nghiệm thu theo ý kiến kết luận tại phiên họp của Hội đồng;

đ) Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên thuộc Hội đồng, trong đó có một Trưởng ban và 02 Ủy viên;

e) Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, báo cáo về sản phẩm đạt được của nhiệm vụ và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo thuyết minh đã phê duyệt, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ;

f) Các thành viên Hội đồng nêu câu hỏi đối với Chủ nhiệm nhiệm vụ về kết quả và các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ. Chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của Hội đồng;

g) Đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến (nếu có);

h) Các thành viên hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng cách cho điểm vào Phiếu nhận xét, đánh giá theo biểu mẫu B16-ĐGNT được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021;

i) Chủ tịch Hội đồng dự thảo kết luận đánh giá của Hội đồng theo biểu mẫu B17-BBNT được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021. Ý kiến kết luận của Hội đồng được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Đối với nhiệm vụ có hoạt động triển khai thực địa, có sản phẩm trung gian, sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm phải đo kiểm: Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức cho hội đồng kiểm tra, đánh giá thực tế, hiện trường thực hiện hoặc kiểm tra, đánh giá chất lượng, thông số kỹ thuật sản phẩm tại cơ quan có chuyên môn phù hợp.

Điều 33. Nội dung đánh giá và xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của hội đồng

1. Nội dung, tiêu chí đánh giá:

a) Thời gian nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu;

b) Mức độ hoàn thành các nội dung, khối lượng công việc;

c) Tính hợp lý, khoa học của phương án triển khai;

d) Mức độ hoàn thành các kết quả, sản phẩm: Số lượng các kết quả, sản phẩm so với thuyết minh, hợp đồng giao thực hiện nhiệm vụ; mức độ phù hợp của từng sản phẩm, kết quả so với định mức, tiêu chí khoa học, kỹ thuật được giao;

đ) Hiệu quả và tính bền vững (được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và/hoặc khả năng áp dụng thực tiễn của các sản phẩm, kết quả) của nhiệm vụ;

e) Các nội dung, yêu cầu khác đối với các sản phẩm của nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Quy định được ban hành kèm theo

Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 21/9/2015 và Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

2. Phương pháp đánh giá, xếp loại nhiệm vụ của hội đồng

Phương pháp đánh giá, xếp loại dự án của hội đồng căn cứ vào trung bình cộng số điểm đánh giá của các thành viên hội đồng tham gia phiên họp, cụ thể là:

a) “Không nghiệm thu” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng dưới 50 điểm;

b) “Nghiệm thu” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng từ 50 điểm trở lên, trong đó:

- Nghiệm thu với mức “Đạt yêu cầu” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng từ 50 đến dưới 70 điểm;

- Nghiệm thu với mức “Khá” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng từ 70 đến dưới 90 điểm;

- Nghiệm thu với mức “Xuất sắc” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng từ 90 đến 100 điểm.

3. Đối với nhiệm vụ được hội đồng đánh giá, xếp loại “Nghiệm thu” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hội đồng thông qua Biên bản họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo kết luận của hội đồng và nộp sản phẩm nhiệm vụ cho Sở Khoa học và Công nghệ sau khi được Chủ tịch hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ.

4. Đối với nhiệm vụ được hội đồng đánh giá, xếp loại “Không nghiệm thu” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì sẽ được xử lý theo quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 19 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 21/9/2015.

5. Việc tổ chức lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 21/9/2015.

Điều 34. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

a) Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ;

c) Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo biểu mẫu 10 được ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Ý kiến của tổ chuyên gia hoặc chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có);

đ) Dự thảo Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ sản phẩm nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ. Mẫu dự thảo Quyết định được áp dụng dựa trên mẫu 11 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014.

Điều 35. Thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ theo biểu mẫu B18-TLHD được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11/6/2021.

2. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý, khai thác kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành. Việc xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai được thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo Quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 04/2026/QĐ-UBND ngày 21/3/2016.

Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc Chương trình

1. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ và biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 24 và Điều 36 của Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này.

2. Thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh.

3. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN.

Điều 37. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc Chương trình

1. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ và biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 24 và Điều 36 của Hướng dẫn này.

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả, sản phẩm và hiệu quả của nhiệm vụ; có phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

3. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, quản lý kinh phí, thanh quyết toán nhiệm vụ theo quy định hiện hành.



4. Đề xuất, kiến nghị với tổ chức chủ trì về điều chỉnh nội dung, sản phẩm, kinh phí và tiến độ của nhiệm vụ (nếu cần).

5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng; báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

Điều 38. Điều khoản áp dụng

1. Khi các văn bản viện dẫn trong Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này thay đổi, các nội dung có liên quan áp dụng theo văn bản thay thế, sửa đổi bổ sung tương ứng.

2. Trong quá trình triển khai, áp dụng Quy định quản lý, thực hiện Chương trình này, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, các tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.